

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Dũng

Bà Nguyễn Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-DS ngày 19/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022 QĐST-DS ngày 31/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022 QĐST-DS ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đội 3, xóm T, xã V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hữu L, sinh năm 1958 - Công ty luật Hợp danh Phú Thọ - số nhà 164, Minh Lang, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/8/2022).

Hôm nay, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Tạ Đức T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: đội 3, xóm T, xã V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hôm nay, vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Tạ Thị N trình bày: Năm 2015 và 2016 ông Tạ Đức T có vay của bà (07 lần) với tổng số tiền là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng). Mặc dù nhiều lần bà N đã yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông không trả vì vậy bà N đã khởi kiện lên Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì yêu cầu giải quyết, sau đó ông T đã viết cho bà N giấy khát nợ

mới và đề nghị được trả dần. Do là anh em ruột trong nhà tin tưởng nên bà N đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 01/6/2021, nhưng kể từ đó cho đến nay ông T vẫn không trả tiền cho bà N. Nay, bà N yêu cầu ông T trả cho bà số tiền còn nợ theo giấy khất nợ ngày 31/5/2021 là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và lãi phát sinh từ năm 31/5/2021 đến nay theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hữu L nhất trí với toàn bộ lời trình bày cũng như yêu cầu của nguyên đơn. Tại đơn đề nghị ngày 21/9/2022 ông Lê Hữu L có quan điểm chỉ yêu cầu ông Tạ Đức T trả cho bà Tạ Thị N số tiền nợ gốc là 300.000.000đ và không yêu cầu về tính lãi.

Bị đơn ông Tạ Đức T trình bày: Năm 2015 và 2016 ông T thừa nhận có vay tiền của bà N là đúng, toàn bộ các giấy vay nợ năm 2015 và 2016 (gồm 07 giấy vay nợ) mà bà N xuất trình tại Tòa án là chữ viết chữ ký của ông. Nhưng thực tế năm 2017 ông đã phải làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng, khi đó ông chỉ đưa các giấy tờ mà Ngân hàng yêu cầu, còn thủ tục làm hồ sơ vay vốn do bà N đã giúp ông T làm các thủ tục vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại phòng giao dịch khu công nghiệp V. Nhưng khi giải ngân số tiền trên thì phải chuyển vào tài khoản của người nào đó, vì ông không thể chuyển khoản vào số tài khoản của ông được nên bà N và cán bộ tín dụng đã cho ông chuyển tiền vào tài khoản của ông Lê Ng, nhưng sau đó ông Nguyên đã rút số tiền đó ra đưa cho ông để trả cho bà N. Vì giữa ông và bà N là anh em ruột nên khi nhận tiền ông không yêu cầu bà N viết giấy cho ông và cũng không yêu cầu bà N trả lại cho ông các giấy tờ mà ông viết nhận tiền của bà N.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông T trả số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo giấy khất nợ ngày 31/5/2021 và yêu cầu tính lãi, ông không đồng ý trả nợ

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Lê Hữu L vắng mặt, có đơn xin được xét xử vắng mặt và thể hiện quan điểm của vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn là ông Tạ Đức T trả số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) cho bà Tạ Thị N theo giấy khất nợ ngày 31/5/2021 và không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ ở thành phố Việt Trì nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án theo quy định Điều 195 BLTTDS và ban hành thông báo thụ lý, gửi và tổng đạt thông báo thụ lý đảm bảo Điều 196 BLTTDS; lập hồ sơ vụ án theo Điều 204 BLTTDS; Đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó lập biên bản theo đúng quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS. Chuyển hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo Điều 203 BLTTDS.
- Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 BLTTDS vì Tòa án thu thập chứng cứ: Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ
- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N.

Buộc ông Tạ Đức T phải trả cho bà Tạ Thị N số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc ông Tạ Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Tạ Đức Thân phải trả số tiền còn nợ là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn). Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm c khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn đã ủy quyền cho người đại diện tham gia: Đại diện nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Hữu L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Tạ Văn Thân đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Giấy báo, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; ông T đều đã nhận và ông đến Tòa án để giải quyết nhưng cũng có những lúc ông không đến Tòa án để giải quyết do đó Tòa án đã phải đi tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông, ông đã được nhận và ông vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là không vi phạm tố tụng.

[2] Về nội dung:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Tạ Thị N đã xuất trình cho Tòa án các giấy biên nhận tiền như sau: 01 giấy biên nhận tiền ngày

25/11/2015 với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn); 01 giấy biên nhận tiền ngày 17/12/2015 với số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng chẵn); 01 giấy biên nhận tiền ngày 29/12/2015 với số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng chẵn); 01 giấy biên nhận tiền ngày 10/3/2016 với số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn); 01 giấy biên nhận tiền ngày 15/3/2016 với số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn); 01 giấy biên nhận tiền ngày 05/5/2016 với số tiền 14.300.000đ (Mười bốn triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn); 01 giấy biên nhận tiền ngày 15/5/2016 với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn). Tổng số tiền mà ông T đã viết giấy biên nhận tiền cho bà N từ năm 2015 và 2016 là 314.300.000đ (Ba trăm mười bốn triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn). Nhưng sau đó đến ngày 31/5/2021 ông T viết giấy khất nợ cho bà N với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và xin được trả dần cho bà N.

Về yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N thì ông T không đồng ý và cho rằng ông đã trả khoản tiền vay trên cho bà N từ năm 2017. Nhưng ông không đưa được ra căn cứ nào chứng minh về việc ông đã trả số tiền trên cho bà N. Quá trình giải quyết vụ án ông cũng yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Phú Thọ (cụ thể tại phòng giao dịch Khu Công nghiệp V). Sau đó Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại Ngân hàng. Kết quả của Ngân hàng cho biết việc ngày 27/6/2017 ông Tạ Đức T có vay khoản tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn) tại phòng giao dịch Khu Công nghiệp V – Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Phú Thọ, mục đích vay vốn là trả tiền vật liệu xây dựng và thiết bị điện nước. Sau đó ông T đã giải ngân vào tài khoản của ông Lê Ng số tài khoản 42310000050xxxxs tại Ngân hàng BIDV Phú Thọ ngày 27/6/2017. Sau khi số tiền trên được chuyển vào tài khoản của ông Lê Ng vào hồi 08 giờ 25 phút 37 giây ngày 27/6/2017 thì đến 08 giờ 45 phút 45 giây ông Lê Ng đã rút luôn số tiền 300.000.000đ. Nhưng hiện nay ông Lê Ng đã chết theo giấy chứng tử ngày 12/8/2022, nguyên nhân chết do bị ốm chết nên Tòa án không lấy được lời khai của ông Lê Ng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Tạ Đức T phải trả số tiền còn nợ là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn) là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N được chấp nhận nên bà N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Tạ Đức T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463; Điều 465; khoản 1 điều 466; điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 điều 238; điều 271; khoản 1 điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N.

Buộc ông Tạ Đức T có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị N số tiền vay nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn)

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không trả được số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về án phí:

Ông Tạ Đức T phải chịu 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tạ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Tạ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.850.000đ (Bảy triệu, tám trăm, năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0009670 ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS tp Việt Trì;;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu HS, AV.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Hồng Vân